SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1767 /TB-KSBT

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO
Kết quả ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 768/KH-KSBT ngày 11/7/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên về việc ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2024.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thực hiện ngoại kiểm định kỳ tại 10 đơn vị; ngoại kiểm đột xuất tại 01 đơn vị. Kết quả cụ thể như sau:

1. Thông tin chung của các đơn vị cấp nước

TT	Tên cơ sở	Công suất vận hành/thiết kế (m^3/ngày đêm)	Tổng số hộ gia đình được cung cấp nước
I	**Ngoại kiểm định kỳ**		
1	Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên		
1.1	Xí nghiệp Nước sạch số 1		66.471 (hòa mạng 05 nhà máy/trạm cấp nước)
	Trạm cấp Nước Quang Vinh	1.600/2.448	
	Nhà máy Nước sạch Túc Duyên	8.000/13.000	
1.2	Xí nghiệp Nước sạch số 2		
	Nhà máy Nước sạch Nam Hồ Núi Cốc	18.000/53.000	
	Nhà máy Nước sạch Tích Lương	17.000/30.000	
	Nhà máy Nước sạch Sông Công	16.000/20.000	12.795
1.3	Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ	1.200/2.500	2.272
2	Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn		
	Nhà máy Nước Hóa Thượng	1.000/1.000	2.750
	Nhà máy Nước Đồng Bẩm	900/1.000	1.586
3	Nhà máy Nước Chùa Hang - Công ty TNHH TM Thành Hiệu	1.500/2.000	3.860
4	Công ty cổ phần Nước sạch Yên Bình	85.000/150.000	771 hộ gia đình và các nhà máy KCN Yên Bình
II	**Ngoại kiểm đột xuất** *(theo đề nghị của UBND huyện Đại Từ)*		
	Hợp tác xã Nước sạch Hoàng Nông		1.500

2. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước

Các thông số thử nghiệm thực hiện theo QCĐP 01:2022/TN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, gồm: 08/08 thông số nhóm A; 31/31 thông số nhóm B. Kết quả như sau:

2.1. Kết quả thử nghiệm mẫu nước ngoại kiểm định kỳ:

- Tổng số mẫu thử nghiệm: 30 mẫu.
- Số mẫu đạt QCĐP 01:2022/TN: 19/30 mẫu, tỷ lệ 63,3%.
- Số mẫu không đạt QCĐP 01:2022/TN: 11/30 mẫu, tỷ lệ 36,7%.

2.2. Kết quả thử nghiệm mẫu nước ngoại kiểm đột xuất:

- Tổng số mẫu thử nghiệm: 03 mẫu.
- Số mẫu không đạt QCĐP 01:2022/TN: 03/03 mẫu, tỷ lệ 100%.

(Có phiếu kết quả thử nghiệm kèm theo)

3. Kiến nghị giải pháp khắc phục các thông số không đạt QCĐP 01:2022/TN

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đã gửi thông báo kết quả đến Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên, Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, Công ty TNHH thương mại Thành Hiệu, UBND huyện Đại Từ, Trung tâm Y tế huyện Đại Từ đề nghị chỉ đạo các đơn vị cấp nước có mẫu nước thử nghiệm không đạt QCĐP 01:2022/TN thực hiện các nội dung sau:

- Xác định nguyên nhân và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục và kiểm soát phù hợp đối với các thông số không đạt QCĐP 01:2022/TN.

- Sau khi khắc phục, lấy mẫu thử nghiệm chất lượng nước tại các vị trí có thông số không đạt. Báo cáo kết quả khắc phục gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên trước ngày 30/12/2024.

Nơi nhận:
- Đăng trên trang thông tin điện tử Trung tâm http://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn;
- Lưu: VT, SKMT (Nga).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Ái Kim Anh

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 29143 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.14**
3. Ngày gửi mẫu: 20/11/2024
4. Ngày thử nghiệm: **21/11/2024 - 29/11/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC HÓA THƯỢNG - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Xóm Đồng Thịnh, Thị trấn Hóa Thượng, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại bể chứa đã xử lý**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	0,4
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	296
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,77
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	7,51
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	KPH (LOD=0,02)
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,95
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	0,98
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	104
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 29143 /TTKSBT-PTN

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
					(LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	< 1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép*: Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 29 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Ái Kim Anh

PHÓ TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Hạnh

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 764

Số: 899 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.14**
3. Ngày gửi mẫu: **20/11/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **20/11/2024 – 05/12/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC HÓA THƯỢNG - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Xóm Đồng Thịnh, Thị trấn Hóa Thượng, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại bể chứa nước đã xử lý**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	<0,0021
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0118
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0651
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 06 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

KT. GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 29143 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.15**
3. Ngày gửi mẫu: 20/11/2024
4. Ngày thử nghiệm: **21/11/2024 - 29/11/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC HÓA THƯỢNG - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Xóm Đồng Thịnh, Thị trấn Hóa Thượng, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối - HGĐ Nguyễn Thị Thái, xóm Đồng Thịnh, TT Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	0,96
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	340
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,56
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	7,54
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	0,02
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,95
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	0,97
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	165

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 29143 /TTKSBT-PTN

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH (LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	< 1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép*: Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 29 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Ái Kim Anh

PHÓ TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Hạnh

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76..

Số: 895 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.15**
3. Ngày gửi mẫu: **20/11/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **20/11/2024 – 05/12/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC HÓA THƯỢNG - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Xóm Đồng Thịnh, Thị trấn Hóa Thượng, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối - HGĐ Nguyễn Thị Thái, xóm Đồng Thịnh, TT Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	0,0025
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0128
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0843
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 06 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 29143 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.22**
3. Ngày gửi mẫu: 20/11/2024
4. Ngày thử nghiệm: **21/11/2024 - 29/11/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC HÓA THƯỢNG - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Xóm Đồng Thịnh, Thị trấn Hóa Thượng, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên cuối mạng lưới đường ống phân phối - HGĐ Trần Thanh Trì, xóm Hưng Thái, TT Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	0,8
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	336
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,38
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	7,40
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	0,03
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,9
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	0,97
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	135

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 29143 /TTKSBT-PTN

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH (LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	< 1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 29 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TỈNH THÁI NGUYÊN SỞ Y TẾ TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

PHÓ TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Hạnh

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 900 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.22**
3. Ngày gửi mẫu: **20/11/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **20/11/2024 – 05/12/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC HÓA THƯỢNG - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Xóm Đồng Thịnh, Thị trấn Hóa Thượng, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên cuối mạng lưới đường ống phân phối - HGĐ Trần Thanh Trì, xóm Hưng Thái, TT Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	<0,0021
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0132
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0722
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 06 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 29147/TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.17**
3. Ngày gửi mẫu: 20/11/2024
4. Ngày thử nghiệm: **21/11/2024 - 29/11/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC ĐỒNG BẨM - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Phường Đồng Bẩm, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại bể chứa sau xử lý**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	0,4
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	306
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,47
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	6,95
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	0,02
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	1,0
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	1,74
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	122
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH (LOD=0,001)

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 29147 /TTKSBT-PTN

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	< 1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép*: Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 29 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Ái Kim Anh

PHÓ TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Hạnh

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 896 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.17**
3. Ngày gửi mẫu: **20/11/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **20/11/2024 – 05/12/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC ĐỒNG BẨM - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Phường Đồng Bẩm, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại bể chứa đã xử lý**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	<0,0021
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0174
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0698
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 06 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 29147 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.18**
3. Ngày gửi mẫu: 20/11/2024
4. Ngày thử nghiệm: **21/11/2024 - 29/11/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC ĐỒNG BẨM - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Phường Đồng Bẩm, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối - SN 614, xóm Ao Voi, phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	0,4
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	304
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,84
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	7,06
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	KPH (LOD=0,02)
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,98
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	1,66
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	97

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 29147 /TTKSBT-PTN

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH (LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	< 1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép*: Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 29 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Ái Kim Anh

PHÓ TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Hạnh

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76.

Số: 897 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.18**
3. Ngày gửi mẫu: **20/11/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **20/11/2024 – 05/12/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC ĐỒNG BẨM - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Phường Đồng Bẩm, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối - SN 614, xóm Ao Voi, phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	KPH (LOD=0,0007)
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0129
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,067
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 06 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 29147 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.23**
3. Ngày gửi mẫu: 20/11/2024
4. Ngày thử nghiệm: **21/11/2024 - 29/11/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC ĐỒNG BẨM - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Phường Đồng Bẩm, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên cuối mạng lưới đường ống phân phối - SN 752, TDP Đông, phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	0,4
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	280
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,57
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	6,98
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	KPH (LOD=0,02)
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,98
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	1,65
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	128

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 29147 /TTKSBT-PTN

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH (LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	< 1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 29 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Ái Kim Anh

PHÓ TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Hạnh

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76.1

Số: 981 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241120.23**
3. Ngày gửi mẫu: **20/11/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **20/11/2024 – 05/12/2024**
5. Tên khách hàng: NHÀ MÁY NƯỚC ĐỒNG BẨM - TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Phường Đồng Bẩm, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên cuối mạng lưới đường ống phân phối - SN 752, TDP Đông, phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	KPH (LOD=0,0007)
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0123
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,055
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 06 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.32**
3. Ngày gửi mẫu: 04/12/2024
4. Ngày thử nghiệm: **04/12/2024 - 13/12/2024**
5. Tên khách hàng: Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
6. Địa chỉ: Tổ 1, Phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Nam Hồ Núi Cốc - Xóm Đồi Chè, xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên - Tại bể chứa nước đã xử lý**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	1,6
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	106
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,28
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	8,07
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	KPH (LOD=0,02)
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,62
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	0,19
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	44,9
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76.

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
					(LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	<1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 13 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 914 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.32**
3. Ngày gửi mẫu: **04/12/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **05/12/2024 - 16/12/2024**
5. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Nam Hồ Núi Cốc - Xóm Đồi Chè, xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên - Tại bể chứa nước sau xử lý**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	<0,0021
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0188
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0558
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 17 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- *Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.*
- *Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.*
- *KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.*
- *Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.*

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.33**
3. Ngày gửi mẫu: 04/12/2024
4. Ngày thử nghiệm: **04/12/2024 - 13/12/2024**
5. Tên khách hàng: Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
6. Địa chỉ: Tổ 1, Phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Nam Hồ Núi Cốc – HGĐ Vũ Đình Dân, Thái Sơn 2, xã Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên - Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	1,44
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	80
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,48
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	6,85
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	KPH (LOD=0,02)
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,74
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	0,69
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	71,2

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

VILAS 76

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH (LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	<1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép*: Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 13 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 915 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.33**
3. Ngày gửi mẫu: **04/12/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **05/12/2024 - 16/12/2024**
5. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Nam Hồ Núi Cốc - HGĐ Vũ Đình Dân, Thái Sơn 2, xã Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên - Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	KPH (LOD=0,0007)
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0175
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0686
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 17 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- *Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.*
- *Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.*
- *KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.*
- *Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.*

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 761

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.34**
3. Ngày gửi mẫu: 04/12/2024
4. Ngày thử nghiệm: **04/12/2024 - 13/12/2024**
5. Tên khách hàng: Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
6. Địa chỉ: Tổ 1, Phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Nam Hồ Núi Cốc – HGĐ Phạm Hoàng Hùng, xóm Nam Đông, xã Tân Cương, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên - Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên cuối mạng lưới đường ống phân phối**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	0,96
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	70
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,75
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	7,08
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	KPH (LOD=0,02)
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,72
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	0,18
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	51,7

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ - Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 767

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH (LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	<1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép*: Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 13 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 916 /TTKSBT-PTN

VILAS 78

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.34**
3. Ngày gửi mẫu: **04/12/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **05/12/2024 - 16/12/2024**
5. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Nam Hồ Núi Cốc - HGĐ Phạm Hoàng Hùng, xóm Nam Đông, xã Tân Cương, TP Thái Nguyên, tỉnh TN - Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên cuối mạng lưới đường ống phân phối**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	<0,0021
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0189
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0531
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 17 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.47**
3. Ngày gửi mẫu: 04/12/2024
4. Ngày thử nghiệm: **04/12/2024 - 13/12/2024**
5. Tên khách hàng: Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
6. Địa chỉ: Tổ 1, Phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Sông Công - Phường Lương Châu, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - Tại bể chứa nước đã xử lý**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	0,96
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	54
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,37
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	6,95
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	KPH (LOD=0,02)
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,22
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	0,20
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	72,8
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
					(LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	<1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép*: Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 13 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 905 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.47**
3. Ngày gửi mẫu: **04/12/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **05/12/2024 - 16/12/2024**
5. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Sông Công - Phường Lương Châu, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - Tại bể chứa nước đã xử lý**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	KPH (LOD=0,0007)
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0157
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0437
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 17 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.49**
3. Ngày gửi mẫu: 04/12/2024
4. Ngày thử nghiệm: **04/12/2024 - 13/12/2024**
5. Tên khách hàng: Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
6. Địa chỉ: Tổ 1, Phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Sông Công – HGĐ Nguyễn Văn Hưng, tổ 5, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	1,92
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	52
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	1,63
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	6,82
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	KPH (LOD=0,02)
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,21
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	0,18
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	74,8

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

VILAS 764

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH (LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	<1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép*: Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 13 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 906 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.49**
3. Ngày gửi mẫu: **04/12/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **05/12/2024 - 16/12/2024**
5. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Sông Công - HGĐ Nguyễn Văn Hưng, tổ 5, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	<0,0021
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0193
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0313
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 17 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Minh Thanh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

VILAS 76

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.50**
3. Ngày gửi mẫu: 04/12/2024
4. Ngày thử nghiệm: **04/12/2024 - 13/12/2024**
5. Tên khách hàng: Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
6. Địa chỉ: Tổ 1, Phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Sông Công - HGĐ Nguyễn Ngọc Tuấn, SN 200, tổ 8, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên cuối mạng lưới đường ống phân phối**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
Hóa lý					
1	*240.5.27 Asen (As)**	mg/L	SWEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
2	240.6.41 Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	mg/L	SWEWW 4500 NH3 C	0,3	KPH (LOD=0,01)
3	240.5.26 Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113	0,003	KPH (LOD=0,001)
4	240.5.26 Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113	0,01	KPH (LOD=0,001)
5	240.6.45 Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	2	1,12
6	240.6.42 Độ cứng tính theo CaCO3* (Độ cứng toàn phần)	mg/L	SWEWW 2340	300	60
7	240.5.7 Độ đục*	NTU	TCVN 6184:1996	2	0,31
8	240.5.5 Độ màu (Màu sắc)	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
9	240.5.1 pH* (Độ pH)		TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5	6,78
10	240.5.26 Chromi (Cr)*	mg/L	SWEWW 3113	0,05	KPH (LOD=0,02)
11	240.5.32 Clo dư tự do*	mg/L	Hach: Method 8029	Trong khoảng 0,2-1,0	0,26
12	240.5.19 Nitrat (NO3-)	mg/L	SMEWW 4500-N03	2	0,19
13	240.5.18 Nitrit (NO2-)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,01)
14	240.5.26 Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111	0,1	KPH (LOD=0,05)
15	240.5.6 Mùi, vị		SWEWW 2150	Không có mùi, vị lạ	Mùi Clo, không vị lạ
16	240.5.26 Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111	0,3	KPH (LOD=0,1)
17	240.5.11 Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 - Solids C	1000	42,7

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 30505 /TTKSBT-PTN

VILAS 76

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
18	240.5.28 Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112	0,001	KPH (LOD=0,001)
Vi sinh					
1	*240.7.2 Pseudomonas aeruginosa**	CFU/100ml	TCVN 8881:2011	<1	KPH (<1)
2	*240.7.2 Coliform tổng số**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH (<1)
3	*240.7.2 E.coli**	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH (<1)
4	*240.7.7 Staphylococcus aureus**	CFU/100ml	SMEWW 9213B	<1	KPH (<1)

Giới hạn cho phép*: Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 13 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (*): thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- KPH:Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: 971 - Đường Dương Tự Minh – phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Thái Nguyên
Website: https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn

Số: 907 /TTKSBT-PTN

VILAS 76

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC MÁY**
2. Mã số: **N XN241204.50**
3. Ngày gửi mẫu: **04/12/2024**
4. Ngày thử nghiệm: **05/12/2024 - 16/12/2024**
5. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN
6. Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
7. Vị trí lấy mẫu: **Nhà máy nước sạch Sông Công - HGĐ Nguyễn Ngọc Tuấn, SN200, tổ 8, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên cuối mạng lưới đường ống phân phối**
8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên thông số/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép	Kết quả
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,02	KPH (LOD=0,0007)
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,7	0,0158
3	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (LOD=0,002)
4	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,2	0,0517
5	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	0,3	KPH (LOD=0,1)
6	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	100	KPH (LOD=1)
7	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	6	KPH (LOD=0,01)
8	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	20	KPH (LOD=0,01)
9	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	20	KPH (LOD=1)
10	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	2	KPH (LOD=0,01)
11	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	60	KPH (LOD=1)
12	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=0,5)
13	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	300	KPH (LOD=1)
14	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	100	KPH (LOD=1)
15	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	3	KPH (LOD=0,03)
16	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	20	KPH (LOD=2)
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	0,1	KPH (LOD=0,02)

Giới hạn cho phép: *Theo QCĐP 01:2022/TN*

Ngày 17 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ái Kim Anh

TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM - CĐHA - TDCN

Nguyễn Thị Mai Lê

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông số thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Ký hiệu (+): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.
- KPH: Không phát hiện nghĩa là dưới giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.
- Ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo.
- Kết quả chỉ đúng với mẫu thử nghiệm.